TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Nội

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2023, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Thanh Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: số 294, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1987; địa chỉ: số 369, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

(Các đương sự có đơn xin mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Thanh Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003, anh Phạm Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Hồng S tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Anh Đ và chị S sống chung với nhau được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẩn và sống xa nhau cho đến nay. Nay anh Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng S.

- Về con chung: Quá trình sống chung anh Đ và chị S có 01 con chung tên Phạm Thành Trọng, sinh ngày 10/4/2004. Con hiện nay đã trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thừa nhận vào năm 2003, chị Nguyễn Thị Hồng S anh Phạm Thanh Đ tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Chị S và anh Đ sống với nhau đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và sống xa nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị S thống nhất ly hôn theo như yêu cầu của anh Đ.

- Về con chung: Quá trình sống chung chị S và anh Đ có 01 con chung tên Phạm Thành Trọng, sinh ngày 10/4/2004. Con hiện nay đã trưởng thành tự lao động được nên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Thống nhất không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Thanh Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng S, về con chung, tài sản chung và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn" và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Phạm Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Hồng S đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Hồng S đều thừa nhận anh chị tổ chức đám cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện nay không còn sống chung với nhau. Nay anh Đ và chị S đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc anh Đ và chị S sống chung với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng". Do đó, xử không công nhận anh Phạm Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Hồng S là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung anh Đ và chị S có 01 con chung tên Phạm Thành Tr, sinh ngày 10/4/2004 đã trưởng thành tự lao động được nên anh Đ và chị S, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Đ và chị S thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh Đ và chị S thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Thanh Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Hồng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Hồng S là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phạm Thanh Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016707 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Thời hạn kháng cáo: Anh Phạm Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Hồng S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Nội